



Số: 05/2021/NQ-HĐND

Vĩnh Long, ngày 09 tháng 9 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Quy định khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị xã, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi; vùng nuôi chim yến và chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG KHÓA X, KỲ HỌP THỨ 2

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ khoản 1, Điều 80 của Luật Chăn nuôi ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định 13/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật chăn nuôi;

Căn cứ Thông tư số 23/2019/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 11 năm 2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số điều của Luật chăn nuôi về hoạt động chăn nuôi;

Xét Tờ trình số 98/TTr-UBND ngày 02 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị xã, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi; vùng nuôi chim yến và chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị xã, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi; vùng nuôi chim yến và chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.
2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.
3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh phối hợp với Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long Khóa X, Kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 09 tháng 9 năm 2021 và có hiệu lực từ ngày 20 tháng 9 năm 2021.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính, Bộ NN&PTNT;
- Cục kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Kiểm toán nhà nước Khu vực IX;
- Tỉnh ủy, UBND tỉnh; UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH& HĐND, UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Công báo tỉnh, Trang tin HĐND tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH**Bùi Văn Nghiêm**



QUY ĐỊNH

Khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị xã, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi; vùng nuôi chim yến và chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 9 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị quyết này quy định khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị xã, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi; vùng nuôi chim yến và chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh.

2. Các nội dung không được quy định trong nghị quyết này thì thực hiện theo Luật chăn nuôi năm 2018, Luật bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định 13/2020/NĐ-CP, Thông tư số 23/2019/TT-BNNPTNT và các quy định khác của Nhà nước có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức, cá nhân có cơ sở chăn nuôi gia súc, gia cầm và động vật khác (Trừ nuôi động vật làm cảnh, nuôi động vật trong phòng thí nghiệm mà không gây ô nhiễm môi trường) trên địa bàn tỉnh.

2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện quy định tại Nghị quyết này.

Chương II

KHU VỰC KHÔNG ĐƯỢC PHÉP CHĂN NUÔI VÀ VÙNG NUÔI CHIM YẾN

Điều 3. Khu vực không được phép chăn nuôi

1. Khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị xã, thị trấn, bao gồm:

- Các phường của thành phố Vĩnh Long và thị xã Bình Minh;
- Thị trấn các huyện Long Hồ, Mang Thít, Vũng Liêm, Trà Ôn, Tam Bình, Bình Tân.

2. Khu dân cư nằm trong khu trung tâm của các xã (Khu trung tâm xã được cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch chi tiết) trên địa bàn tỉnh.

Điều 4. Vùng nuôi chim yến

Vùng nuôi chim yến là khu vực nằm ngoài khu vực không được phép chăn nuôi được quy định tại Điều 3 Quy định này.

Chương III

CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ KHI DI DỜI CƠ SỞ CHĂN NUÔI RA KHỎI KHU VỰC KHÔNG ĐƯỢC PHÉP CHĂN NUÔI

Điều 5. Nguyên tắc hỗ trợ

1. Mỗi cơ sở thuộc đối tượng được hỗ trợ của Quy định này chỉ được hỗ trợ một lần.
2. Việc di dời phải đảm bảo vấn đề môi trường, phù hợp điều kiện chăn nuôi.
3. Các cơ sở chăn nuôi được vốn ngân sách nhà nước hỗ trợ phải chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan chức năng có thẩm quyền.

Điều 6. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề

1. Đối tượng được hỗ trợ

Chủ cơ sở, người lao động tại cơ sở chăn nuôi nằm trong khu vực được quy định tại Điều 3 Quy định này.

2. Điều kiện được hỗ trợ

Cơ sở chăn nuôi được hỗ trợ phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

- a) Hoạt động trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành và chấm dứt hoạt động chăn nuôi trước ngày 01 tháng 01 năm 2025.
- b) Có kê khai hoạt động chăn nuôi theo quy định.
- c) Đối với cơ sở chăn nuôi gia súc, gia cầm: Có quy mô chăn nuôi từ 01 đơn vị vật nuôi (ĐVN) trở lên (Số đầu con/ĐVN được quy định tại Phụ lục V Nghị định 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ).

3. Nội dung, mức hỗ trợ và hình thức hỗ trợ

a) Nội dung, mức hỗ trợ

Được thực hiện theo điểm đ khoản 1 và điểm b, điểm c khoản 2 Điều 7 Thông tư số 152/2016/TT-BTC ngày 17/10/2016 của Bộ Tài Chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 3 tháng, cụ thể:

“Hỗ trợ chi phí đào tạo: Người học là chủ cơ sở chăn nuôi, lao động trực tiếp tại cơ sở chăn nuôi được hỗ trợ tối đa 02 triệu đồng/người/khóa học;

Hỗ trợ tiền ăn: 30.000 đồng/người/ngày thực học;

Hỗ trợ tiền đi lại: 200.000 đồng/người/khóa học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 15km trở lên.

Riêng đối với người khuyết tật và người học cư trú ở xã thuộc vùng khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn theo quy định của Thủ tướng Chính phủ: Mức hỗ trợ tiền đi lại 300.000 đồng/người/khóa học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 5km trở lên”.

b) Hình thức hỗ trợ

Đối tượng được hỗ trợ quy định tại khoản 1 Điều này đăng ký học nghề, chuyển đổi nghề nghiệp tại Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi cư trú.

Điều 7. Hỗ trợ tín dụng

1. Đối tượng được hỗ trợ

Cơ sở chăn nuôi nằm trong khu vực được quy định tại Điều 3 Quy định này có nhu cầu duy trì, mở rộng quy mô chăn nuôi và đăng ký hoạt động theo Luật doanh nghiệp.

2. Điều kiện được hỗ trợ

Cơ sở chăn nuôi được hỗ trợ phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

a) Hoạt động trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

b) Thực hiện di dời trước ngày 01 tháng 01 năm 2025.

c) Có kê khai hoạt động chăn nuôi theo quy định.

d) Đáp ứng quy định tại điểm b và điểm d khoản 1 Điều 6 Nghị quyết số 11/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long ban hành quy định chính sách hỗ trợ tín dụng khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

3. Phương thức hỗ trợ

Được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 11/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long, cụ thể:

“a) Hạn mức vay vốn được hỗ trợ lãi suất:

Tối đa không quá 70% tổng mức đầu tư của dự án.

b) Mức hỗ trợ, thời gian hỗ trợ lãi suất:

- Mức hỗ trợ: Bằng chênh lệch lãi suất vay thương mại so với lãi suất tín dụng nhà nước ưu đãi tính trên số dư nợ thực tế tại thời điểm xem xét hồ sơ hỗ trợ. Tổng mức hỗ trợ tối đa không quá 10 tỷ đồng/dự án.

- Thời gian hỗ trợ lãi suất: Tính từ ngày bắt đầu giải ngân theo hợp đồng tín dụng với ngân hàng thương mại, cụ thể đối với từng dự án theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 8 Nghị định số 57/2018/NĐ-CP”.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 8. Kinh phí thực hiện chính sách

1. Nguồn vốn thực hiện chính sách hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp cho người lao động trực tiếp tại cơ sở chăn nuôi khi chấm dứt hoạt động chăn nuôi do Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố hàng năm cân đối, bố trí kinh phí từ ngân sách địa phương để thực hiện đảm bảo đúng quy định.

2. Nguồn vốn thực hiện chính sách hỗ trợ tín dụng được thực hiện theo quy định tại khoản 2, khoản 3, Điều 9 Nghị quyết số 11/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

Điều 9. Lộ trình thực hiện

Cơ sở chăn nuôi xây dựng và hoạt động trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành thuộc khu vực quy định tại Điều 3 Quy định này thì trước ngày 01 tháng 01 năm 2025 phải chấm dứt hoạt động hoặc di dời đến địa điểm phù hợp. Lộ trình thực hiện cụ thể như sau:

1. Từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực đến ngày 31 tháng 12 năm 2021 tổ chức thống kê các cơ sở chăn nuôi trong diện phải di dời.

2. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 thực hiện hỗ trợ khi di dời.

Điều 10. Quy định chuyển tiếp

1. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật khác thì áp dụng quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

2. Đối với các tổ chức, cá nhân có nhà yến đã hoạt động trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành nhưng không đáp ứng quy định tại Điều 4 của Quy định này thì phải tuân thủ các quy định tại khoản 2, Điều 25 Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi.

3. Trong quá trình thực hiện, Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố thường xuyên rà soát để báo cáo, trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét điều chỉnh, bổ sung các khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị xã, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi cho phù hợp với điều kiện thực tế tại địa phương./.